

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

I- **Nguyên đơn:** Anh **Nguyễn Văn T**- sinh năm: 1985; cư trú tại: Khu 6- xã Y- huyện C- tỉnh Phú Thọ.

II- **Bị đơn:** Chị **Hà Thị N** -sinh năm 1983; cư trú tại: Khu 06- xã Y- huyện C- tỉnh Phú Thọ.

III- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn X; Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam- Chi nhánh huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc L; Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam huyện C, tỉnh Phú Thọ.

3. Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1960, bà Trần Thị C - sinh năm 1960; cư trú tại: Khu 06- xã Y - huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357 của Bộ luật dân sự; Khoản 7 Điều 26, Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2019 là

hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Hà Thị N.

2. **Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1-*Về con chung:* Anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Bảo T - sinh ngày 02/7/2014. Chị Hà Thị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Bảo N - sinh ngày 26/7/2012, cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh T, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì các đương sự không yêu cầu.

2.2-Anh Nguyễn Văn T, chị Hà Thị N có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3-*Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản:*

Công nhận sự thoả thuận của các đương sự như sau:

2.3.1.Anh Nguyễn Văn T được quyền sở hữu, sử dụng tài sản chung của vợ chồng gồm: Thửa đất số 431, tờ bản đồ số 08, diện tích 963,4m² (400m² đất ở, 563,4m² đất vườn) trị giá 211.550.000đồng, tại khu A, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 045840 ngày 10/4/2017 đứng tên chủ sử dụng là Nguyễn Văn T, Hà Thị N; 01 nhà ở xây cấp 4 sáu gian, diện tích 127,3m², trị giá 175.000.000đồng; 01 mái lợp Proximãng diện tích 42m² (Phía trước nhà ở), trị giá 2.900.000đồng; Sân láng xi măng, cát + công xây có tổng diện tích 166,7m², trị giá 1.800.000đồng; 01 máy bơm mua năm 2015 trị giá 12.000.000đồng; 01 máy soi mua năm 2015 trị giá 8.000.000đồng; 01 máy đục mua năm 2015 trị giá 2.500.000đồng; 01 máy phun sơn kèm bình nén khí trị giá 1.500.000đồng; 01 máy bơm mua năm 2013 trị giá 3.500.000đồng. Tổng trị giá 418.750.400đồng.

2.3.2. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng cho những người sau:

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam do ông Nguyễn Ngọc L - Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) và tiền lãi theo hợp đồng.

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam do ông Nguyễn Văn X - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ số tiền nợ gốc 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng) và tiền lãi theo hợp đồng.

- Ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị C tiền công xây nhà là 60.000.000đồng.
Tổng cộng là 172.000.000đồng.

2.3.3. Anh Nguyễn Văn T có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch tài sản cho chị Hà Thị N 123.375.200đ (Một trăm hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi năm nghìn hai trăm đồng). Thời hạn thanh toán là 60 ngày kể từ ngày 28/5/2019.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi xuất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.3.4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải chịu cả 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 3.084.380 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung, tổng cộng là 3.234.380 đồng, làm tròn là 3.234.000đồng. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0008547 ngày 08/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, anh T còn phải nộp 2.940.000đ (Hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Chị Hà Thị N phải chịu 3.084.380 đ, làm tròn là 3.084.000đ (Ba triệu không trăm tám mươi tư nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản chung.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện Cẩm Khê;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP

THẨM PHÁN

Vũ Văn Thắng